

CỤC DIỆN CHIẾN LƯỢC THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

GS. Đào Xuân Sâm*

Đánh giá tình hình kinh tế xã hội trong những năm vừa qua và dự báo triển vọng phát triển, cần đặt vấn đề: Ta đang ở cục diện chiến lược nào? Đã ở cục diện, ở thế đi lên nhanh và bền chưa?

Hội nghị lần thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng (tháng 02/2004) tổng kết giữa nhiệm kỳ Đại hội IX, đã nhận định: “Kinh tế tăng khá nhưng chưa đạt nhịp độ tăng trưởng mà Đại hội đề ra, chưa tương xứng với mức tăng đầu tư và tiềm năng của nền kinh tế. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và sử dụng tốt để phát triển kinh tế xã hội. Chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển còn thấp. Thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế đặc biệt trong quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách còn rất nghiêm trọng. Chúng ta chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị – xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài”.

Từ nhận định rất cơ bản đó, xin phân tích một số vấn đề của cục diện chiến lược.

1. CỤC DIỆN PHÁT TRIỂN DƯỚI KHẢ NĂNG

Thật vậy, từ nhiều năm nay, kinh tế có tăng trưởng, có mặt thành công, nhưng so với khả năng, và so với các

nước xung quanh, nền kinh tế nước ta đang trong cục diện trì trệ về tốc độ, yếu kém kéo dài về chất lượng và triển vọng phát triển.

Dù liên tục tăng đầu tư rất lớn, nhưng tốc độ đã đi xuống từ năm 1997, đến đáy vào năm 1998-1999; năm 2000 bắt đầu lấy lại tốc độ; từ 2001 đến nay, tốc độ nhích lên rất chậm vật.

Về chất lượng phát triển, càng đáng lo: Từ nhiều năm đã nổi lên những tổn thất rất lớn, ngày càng nghiêm trọng về đầu tư của khu vực nhà nước và hoang phí trong chi tiêu ngân sách. Hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước ngày càng tiềm ẩn nhiều bệnh hoạn bất an, bắt đầu bộc lộ hàng loạt doanh nghiệp thua lỗ, phá sản, tham

SO SÁNH TỐC ĐỘ TĂNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC VỚI TỐC ĐỘ TĂNG ĐẦU TƯ

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Chỉ số tăng TSP trong nước	109,34	108,15	105,76	104,77	106,79	106,89	107,08	107,26	107,7
Chỉ số tăng vốn đầu tư	114,9	119,2	102,6	109,8	110,8	112,2	115,7	110,4	117,7

Niên giám thống kê 2003 - 2004. Giá so sánh. Năm trước = 100%

Lưu ý: Nếu tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân hàng năm thời kỳ 1991-1995 là 8,18%, thì số tương ứng của các năm 1996-2000 chỉ là 6,94%; Từ năm 2001 đến năm 2004, tuy tốc độ năm sau cao hơn năm trước, nhưng cả 4 năm chỉ tăng 0,81 % (năm 2004 ước đạt 7.7 % so với năm 2001 đã đạt 6.89 %), trong khi chỉ số tăng vốn đầu tư liên tục ở mức cao từ 1996 đến nay. (Theo niên giám thống kê năm 2003).

những, lãng phí lớn. Nhập siêu từ 2002 - 2004 tăng đột biến, phải dùng lượng ngoại tệ rất lớn để trang trải...

So với mục tiêu và nhiệm vụ 5 năm 2001 - 2005 mà Đại hội IX của Đảng định ra, nay qua 4 năm thấy triển vọng rất khó đạt về tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo chuyển biến

Ban nghiên cứu
của Thủ tướng Chính phủ (*)

manh mẽ về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Các nhiệm vụ lớn về đổi mới do Đại hội IX định ra: đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đổi mới hệ thống tài chính tiền tệ, đổi mới giáo dục đào tạo, cải cách hành chính, đẩy lùi quan liêu tham nhũng đều tiến triển chậm hoặc rất chậm, hầu như vẫn còn những yếu kém bất cập mà Đại hội IX đánh giá vào năm 2001.

Những năm gần đây, trong đánh giá so sánh quốc tế, Việt Nam đã xuống hạng về sức cạnh tranh, phát triển con người, tham nhũng. Vậy sự trì trệ về tốc độ, yếu kém về chất lượng và triển vọng phát triển không còn là nhất thời, mà đã là cục diện trong nhiều năm.

Cục diện như vậy diễn ra trong tình hình có những mặt mạnh, có nhiều thuận lợi. Đơn cử: Nền nông nghiệp với kinh tế hộ và hợp tác kiểu mới suốt mấy chục năm đã liên tục phát triển với tốc độ khá cao và ổn định; khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong công nghiệp và dịch vụ cũng phát triển liên tục với tốc độ cao và ổn định, có bước đột biến từ năm 2000 đến nay. Khu vực kinh tế nhà nước đã phát triển mạnh về qui mô, nắm những ngành và lĩnh vực rất quan trọng; tài nguyên và những nguồn lực dành ưu tiên cho khu vực kinh tế nhà nước và ngân sách nhà nước chưa bao giờ dồi dào như khoảng 10 năm vừa qua. Xuất khẩu,

đặc biệt vào Mỹ, tăng đột biến. Nguồn ODA, FDI vẫn khá. Ngoại tệ do Việt kiều và người lao động xuất khẩu chuyển về tăng rất lớn.

Như vậy, xu hướng tiêu cực không phải do khu vực kinh tế ngoài Nhà nước. Ngược lại, đó là khu vực liên tục phát triển mạnh; cũng không do nguyên nhân khách quan từ tình hình quan hệ kinh tế quốc dân, là mặt có thêm thuận lợi mới.

Như trên đã trích dẫn, hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 02/2004) đã chỉ rõ những lĩnh vực xảy ra thất thoát, lãng phí rất nghiêm trọng là: quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách. Đó đều là những lĩnh vực thuộc khu vực nhà nước và kinh tế nhà nước. Tỷ trọng đầu tư của khu vực nhà nước trong tổng đầu tư toàn xã hội đã tăng rất nhanh: thời kỳ 1991->1995-43,18%, năm 1996-49%, năm 2000-57,5%, năm 2003-56,5%. Trong khi đó tỷ trọng khu vực nhà nước trong tổng sản phẩm lại giảm: năm 1995-40,18% đến năm 2003 còn 39,08%, do tốc độ tăng tổng sản phẩm hàng năm luôn thấp hơn khu vực ngoài nhà nước.

Cục diện phát triển dưới khả năng đặt trong điều kiện nền kinh tế có những mặt mạnh và thuận lợi rất cơ bản như trên đã trình bày, có nguyên nhân từ những thành công và bất cập trong lãnh đạo quản lý quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường.

2. CỤC DIỆN LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

Từ khởi đầu cuộc đổi mới lĩnh vực kinh tế cho đến nay, việc chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần và mở cửa hội nhập đã diễn ra theo ba quá trình.

Thứ nhất, quá trình phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nông, công, thương mại và dịch vụ với các hình thức kinh tế hộ, cá thể, tiểu chủ, doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã kiểu mới. Đây là khu vực mà trước thời kỳ đổi mới, đã tập thể hoá hoặc cải tạo. Từ 1979 được phát triển trong điều kiện mới đã sớm được tạo lập cơ sở hợp hiến hợp pháp. Nay trải qua 25 năm (1979 - 2004) đã bao quát cỡ 90% dân số và lao động xã hội. Đặc biệt lưu ý rằng, khu vực kinh tế tư nhân với các hình thức như trên nói, ngay từ đầu đã phát triển trong quan hệ thị trường một cách rất tự nhiên.

Thứ hai, quá trình mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế đa phương, thu hút đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài: Đã thu hút ODA và FDI khá liên tục với quy mô lớn, tạo thành khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có hiệu quả. Đặc điểm nổi bật của hai khu vực này là đã sớm hoạt động theo Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật đầu tư nước ngoài - những bộ luật theo thông lệ của kinh tế thị trường.

Thứ ba, quá trình phát triển và chuyển đổi khu vực kinh tế nhà nước từ cơ chế cũ sang cơ chế mới của nền kinh

tế thị trường. Đây là khu vực đã được xây dựng rộng khắp trước thời kỳ đổi mới, theo cơ chế cũ; vào thời kỳ đổi mới, đã phát triển mạnh mẽ về quy mô và cơ cấu, nắm những lĩnh vực rất quan trọng, nhưng còn vướng mắc nhiều vào cơ chế cũ, chậm đổi mới chuyển sang cơ chế phù hợp với nền kinh tế thị trường. Kinh tế nhà nước đến nay vẫn hoạt động theo hệ luật riêng trong đó dấu ấn cơ chế cũ còn nặng: gắn chặt với cơ quan nhà nước chủ quản, hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi và bao cấp bảo lãnh của nhà nước.

Từ thực tế ba quá trình phát triển khác nhau như vậy, đã **tao ra cục diện lãnh đạo quản lý đặc thù**: Lãnh đạo quản lý kinh tế theo ba phân hệ chính sách, luật pháp và cách quản lý riêng biệt, tương ứng với sự hình thành ba loại doanh nghiệp phân theo ba khu vực kinh tế: nhà nước, tư nhân và nước ngoài đầu tư. Như vậy, trong nền kinh tế đã hình thành ba khu vực hoạt động theo ba luật chơi tương đối biệt lập.

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, sự hình thành ba phân hệ chính sách luật pháp... ứng với ba loại doanh nghiệp như vậy là không tránh khỏi trong bước đầu. Nhưng không thể duy trì lâu dài vì trong đó bao hàm sự phân biệt đối xử, trái với xu hướng tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng để phát huy lực lượng của mọi loại hình doanh nghiệp, điều tối quan trọng trong xu hướng

hội nhập. Đặc biệt lưu ý rằng, cho đến nay, chính sách luật pháp và cách lãnh đạo quản lý của Đảng và Nhà nước với khu vực dân doanh và nước ngoài đầu tư, về cơ bản đã phù hợp với yêu cầu phát triển hệ thống thị trường và hội nhập. Riêng chính sách luật pháp và cách lãnh đạo quản lý với doanh nghiệp nhà nước, kể cả luật mới ban hành, còn rất chưa phù hợp; doanh nghiệp nhà nước vẫn còn được giành đặc quyền, bảo hộ, bao cấp với sự chủ quản điều hành bao biện, làm suy yếu chế độ tự chủ kinh doanh.

Vì vậy từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước đã yêu cầu xây dựng một Luật kinh doanh thống nhất (hay một hệ thống Luật thống nhất) cho các loại hình doanh nghiệp kinh doanh. Đến nay, đây là nhiệm vụ cấp bách, trong đó khâu khó nhất là sửa đổi Luật doanh nghiệp nhà nước. Để xúc tiến thực hiện nhiệm vụ này, hội nghị lần thứ 9 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (2004) đã đề ra một số chủ trương và giải pháp mạnh mẽ về phát triển các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là giải pháp về sắp xếp, đổi mới chuyển doanh nghiệp nhà nước sang chế độ kinh doanh tự chủ.

Từ những sự phân tích trên đây về cục diện chiến lược và cục diện đổi mới, một vấn đề quan trọng cần thấy rõ là: ba loại doanh nghiệp, cũng là ba lực lượng chiến lược, đang ở tư thế rất khác nhau về triển vọng phát triển. Khu vực kinh

tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở tư thế đã thuận dòng phát triển. Khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước nói riêng, có thực lực to lớn, nhưng triển vọng phát triển trên mức độ rất quan trọng, phụ thuộc vào tiến trình sắp xếp, đổi mới.

3. VẬN HỘI VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

Nền kinh tế nước ta đang ở cục diện có thế lực mới, thuận lợi mới về chất, tức là có vận hội mới. Xét về nội lực: khu vực kinh tế tư nhân (ngoài nhà nước) sau mấy chục năm khởi dậy, đã có bước phát triển đột biến chủ yếu từ năm 2000 đến nay. Nguồn ngoại tệ từ kiều hối, xuất khẩu lao động và mở mang kinh doanh ở nước ngoài mấy năm gần đây đã đạt quy mô to lớn coi như một lực lượng chiến lược đang trong xu hướng tăng. Quá trình hội nhập được xúc tiến đã mở khả năng mới về thu hút ODA, FDI và xuất khẩu...

Thế lực mới, thuận lợi mới về chất như vậy là kết quả của cả quá trình đổi mới phát triển mấy chục năm, mà đến những năm từ sau Đại hội IX đã tăng đột biến, gắn liền với bước đổi mới nhất quán hơn trong chính sách phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần và hội nhập.

Sau đây, thử nêu một số dự báo về khả năng phát triển ba khu vực kinh tế - ba lực lượng chiến lược, và khả năng nâng cao chất lượng lãnh đạo quản lý - khâu then chốt của sự phát triển.

Khu vực dân doanh trong nước sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, có khả năng thích ứng, vượt khó khăn trong hội nhập. Đây ngày càng là lực lượng rộng lớn, thành chủ lực bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chiến lược. Nguồn ngoại tệ do Việt kiều và người lao động, kinh doanh ở nước ngoài chuyển về với quy mô lớn, còn tiếp tục tăng sẽ thúc đẩy mạnh khu vực này.

Khu vực do nước ngoài đầu tư có thể được thu hút mạnh hơn, là khu vực giúp ta bù đắp nhiều mặt yếu kém để sớm vươn lên trong tương quan khu vực và thế giới. Lượng ODA và FDI bắt đầu tăng mạnh.

Khu vực doanh nghiệp nhà nước có khả năng sớm được sắp xếp rút gọn, chủ yếu ở những lĩnh vực mà nhà nước nhất thiết cần làm, theo nguyên tắc “cái gì có thể để dân doanh làm hoặc dân doanh làm tốt hơn thì nhà nước mở cho dân làm”. Mặt khác, với doanh nghiệp nhà nước còn lại, là những doanh nghiệp rất quan trọng, với sự nhất quán chính sách xóa bỏ hộ, bao cấp, bảo lãnh và chủ quản bao biện (trừ số trường hợp đặc biệt), để doanh nghiệp chuyển mạnh sang chế độ tự chủ kinh doanh với hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Từ đó, mở rộng quan hệ hợp tác liên doanh liên kết với các loại hình doanh nghiệp khác. Cũng từ đó tạo khả năng hình thành nhiều tập đoàn kinh tế

mạnh, làm nòng cốt cho sự phát triển các loại hình doanh nghiệp.

Khả năng nâng cao chất lượng lãnh đạo quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước - là khâu then chốt, gắn liền và phụ thuộc vào việc sắp xếp, đổi mới chuyển mạnh doanh nghiệp nhà nước sang chế độ tự chủ kinh doanh, tức là tách chức năng lãnh đạo quản lý khỏi chức năng kinh doanh. Đó là sự giải phóng phát huy sức sống của doanh nghiệp, đồng thời cơ quan lãnh đạo quản lý của Đảng và Nhà nước tự giải phóng khỏi gánh nặng bảo hộ, bao cấp, bao biện sự vụ sa lầy vào việc làm chủ quản doanh nghiệp như hiện nay. Từ đó, cơ quan Đảng và Nhà nước có thể từng bước làm đúng và làm tốt chức năng lãnh đạo quản lý với toàn bộ nền kinh tế, khơi dậy mạnh mẽ khả năng của mọi loại hình doanh nghiệp.

Dẫu sao, việc sắp xếp lại và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, gắn liền với việc đổi mới lãnh đạo quản lý của Đảng và Nhà nước về kinh tế cũng phải mất một số năm mới tạo được chuyển biến cơ bản. Do đó, doanh nghiệp nhà nước trong một số năm nữa, chưa thể thành lực lượng dẫn đầu về tốc độ, hiệu quả và chất lượng phát triển.

Trong tình hình mà các lực lượng chiến lược đang ở vị thế và khả năng phát triển khác nhau như vậy, cần có giải pháp chiến lược phù hợp với từng lực lượng trong thực

hiện nhiệm vụ chiến lược thống nhất:

- Tận dụng khả năng giải phóng, thu hút, hỗ trợ để phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Hai khu vực này phát triển không những tự nó góp phần phát triển, mà còn tạo điều kiện sắp xếp đổi mới khu vực nhà nước như: thu hút lao động dôi dư, liên doanh liên kết và đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước...

- Tích cực và thiết thực trong sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước; sớm giảm tổn thất do đầu tư, bao cấp tràn lan và độc quyền kinh doanh. Từ đó, từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đổi mới lãnh đạo quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước - khâu then chốt để tổng động viên lực lượng các loại hình doanh nghiệp. Đây là công việc còn phải phấn đấu lâu dài, nhưng trước mắt tập trung cao độ vào việc cải thiện nâng cấp môi trường đầu tư và kinh doanh.

Tổng quát lại, có thể dự báo: với những lực lượng to lớn trong tầm tay, nếu có chính sách và giải pháp chiến lược phù hợp, nền kinh tế nước ta trong vài năm trước mắt có thể vượt qua được cục diện trì trệ yếu kém kéo dài; chuyển sang cục diện phát triển với tốc độ cao, ngày càng có hiệu quả và bền vững. Từ đó, đi tới tốc độ 2 con số như nhiều nước đã đạt được trong điều kiện tương tự. ■